



VIỆN NGHIÊN CỨU NAM Á, TÂY Á VÀ CHÂU PHI
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ẤN ĐỘ

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH ẤN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Tháng 6/2026

NỘI DUNG CHÍNH

KINH TẾ VĨ MÔ	01
THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ	05
ĐỐI NỘI	07
ĐỐI NGOẠI	09
QUỐC PHÒNG - AN NINH	11



I. KINH TẾ VĨ MÔ

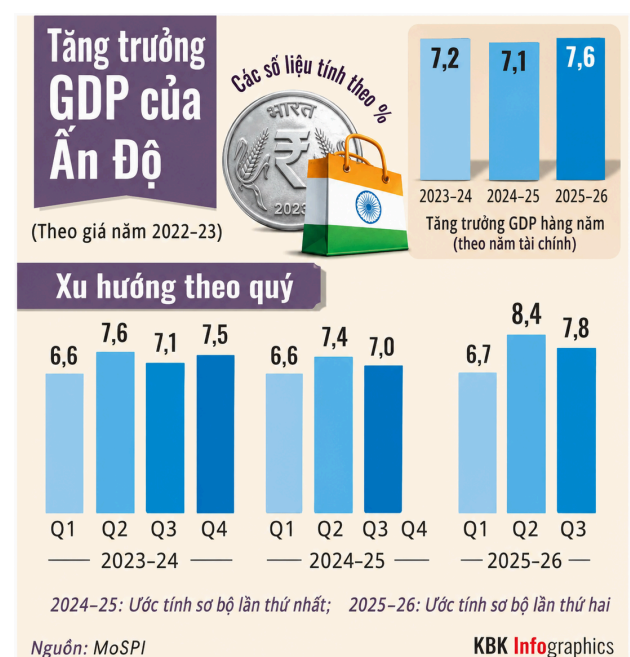


1. BỐI CẢNH TĂNG TRƯỞNG

Về tổng thể, Ấn Độ bước vào năm 2026 với nền tảng tăng trưởng tương đối tích cực. Theo Cục Thông tin Báo chí Ấn Độ (PIB), GDP thực của Ấn Độ trong năm tài khóa 2025–2026 được ước tính tăng 7,6%, GDP danh nghĩa tăng 8,6% theo chuỗi số liệu mới với năm cơ sở 2022–2023. Các chỉ tiêu này cho thấy nền kinh tế Ấn Độ tiếp tục mở rộng về quy mô và duy trì vị thế là một trong những nền kinh tế lớn có tốc độ tăng trưởng cao trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất định.

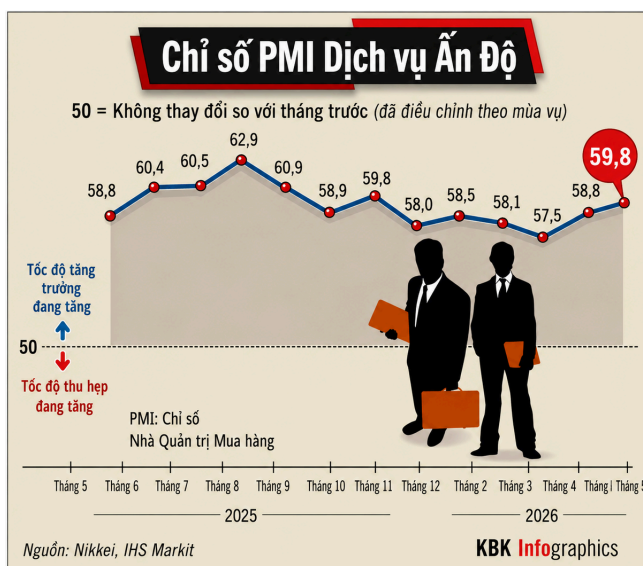
Tuy nhiên, từ góc độ kinh tế vĩ mô, tăng trưởng GDP cao cần được xem xét cùng với chất lượng tăng trưởng, mức độ lan tỏa của cầu nội địa, áp lực giá cả, diễn biến tài khóa, tỷ giá và khả năng chống chịu trước các cú sốc bên ngoài. Trong trường hợp Ấn Độ, tăng trưởng đầu năm 2026 tiếp tục dựa nhiều vào cầu nội địa, khu vực dịch vụ, tiêu dùng đô thị, đầu tư hạ tầng và các ngành có liên kết với chuyển đổi số.

Đây là những động lực quan trọng giúp nền kinh tế duy trì đà mở rộng. Mặt trái của quá trình này là sự phụ thuộc vào nhập khẩu năng lượng, biến động tỷ giá, áp lực chi phí đầu vào và nguy cơ tăng lạm phát chi phí đẩy trong các tháng tiếp theo.



2. KHU VỰC DỊCH VỤ

Khu vực dịch vụ tiếp tục là động lực tăng trưởng quan trọng của kinh tế Ấn Độ trong những tháng đầu năm 2026. Chỉ số HSBC India Services PMI tăng từ 58,8 điểm trong tháng 4 lên 59,8 điểm trong tháng 5/2026, mức cao nhất kể từ tháng 11/2025, cho thấy hoạt động kinh doanh và nhu cầu thị trường tiếp tục mở rộng mạnh mẽ.



Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ các lĩnh vực vận tải, công nghệ thông tin, thương mại điện tử, giải pháp số và giải trí, phản ánh sức cầu nội địa ổn định cũng như khả năng cạnh tranh của Ấn Độ trong các ngành dịch vụ hiện đại.

Dịch vụ đóng góp lớn vào GDP, tạo việc làm chất lượng cao và mang lại nguồn thu ngoại tệ từ xuất khẩu dịch vụ, khu vực này tiếp tục củng cố vị thế của Ấn Độ trong chuỗi giá trị toàn cầu. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh của các ngành dịch vụ công nghệ cao cũng làm gia tăng khoảng cách về kỹ năng lao động giữa nhóm lao động có trình độ công nghệ và khu vực lao động phổ thông, phi chính thức.

3. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Khu vực công nghiệp của Ấn Độ tiếp tục phục hồi trong năm 2026. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 4/2026 tăng 4,9% so với cùng kỳ, trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng 6,2%. Kết quả này cho thấy hoạt động sản xuất vẫn được duy trì ở các lĩnh vực trọng điểm như hạ tầng, điện tử, ô tô, dược phẩm và hàng tiêu dùng lâu bền.

Khu vực sản xuất đang chịu áp lực từ chi phí đầu vào gia tăng. Chỉ số giá bán buôn (WPI) tháng 4/2026 đạt 8,3%, chủ yếu do giá dầu, khí tự nhiên, kim loại và hàng chế tạo tăng, trong khi lạm phát tiêu dùng (CPI) chỉ ở mức 3,48%. Khoảng cách lớn giữa WPI và CPI cho thấy áp lực chi phí hiện vẫn tập trung ở khâu sản xuất nhưng có thể lan sang giá bán lẻ trong thời gian tới, tạo rủi ro đối với tiêu dùng và mục tiêu kiểm soát lạm phát.

4,9%

Chỉ số sản xuất công nghiệp của Ấn Độ (IIP) (Tháng 4/2026)

8,3%

Chỉ số giá bán buôn (WPI) (Tháng 4/2026)

3,48%

Lạm phát tiêu dùng (CPI) (Tháng 4/2026)

4. TIÊU DÙNG NỘI ĐỊA VÀ NIỀM TIN TIÊU DÙNG

Tiêu dùng nội địa tiếp tục là trụ cột của tăng trưởng kinh tế. Thu thuế GST đạt mức kỷ lục khoảng 2,43 nghìn tỷ rupee trong tháng 4/2026, tăng 8,7% so với cùng kỳ; tháng 5 đạt khoảng 1,94 nghìn tỷ rupee, tăng 3,2%. Điều này cho thấy hoạt động giao dịch và sức cầu trong nền kinh tế vẫn duy trì ở mức cao.

Dù vậy, tâm lý người tiêu dùng có dấu hiệu thận trọng hơn. Chỉ số niềm tin tiêu dùng hiện tại (CSI) giảm từ 98,1 điểm trong tháng 1 xuống 95,7 điểm trong tháng 3/2026. Điều này phản ánh những lo ngại liên quan đến thu nhập, việc làm và giá cả, đặc biệt trong bối cảnh chi phí năng lượng và thực phẩm có xu hướng tăng.

5. THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP

Thu nhập quốc dân ròng bình quân đầu người theo giá cố định được dự báo tăng 6,3% trong năm tài khóa 2026, thấp hơn mức 9,3% của năm tài khóa 2022, cho thấy thu nhập thực vẫn cải thiện nhưng tốc độ tăng đã chậm lại sau giai đoạn phục hồi hậu đại dịch.

Thị trường lao động nhìn chung ổn định. Theo Khảo sát lực lượng lao động định kỳ (PLFS), tỷ lệ thất nghiệp của nhóm từ 15 tuổi trở lên ở mức 5,2%; thất nghiệp đô thị đạt 6,6%, cao hơn mức 4,6% ở nông thôn. Chênh lệch này phản ánh sự khác biệt về cơ hội việc làm giữa các khu vực, đồng thời cho thấy nhu cầu tiếp tục nâng cao kỹ năng lao động và mở rộng việc làm chính thức.



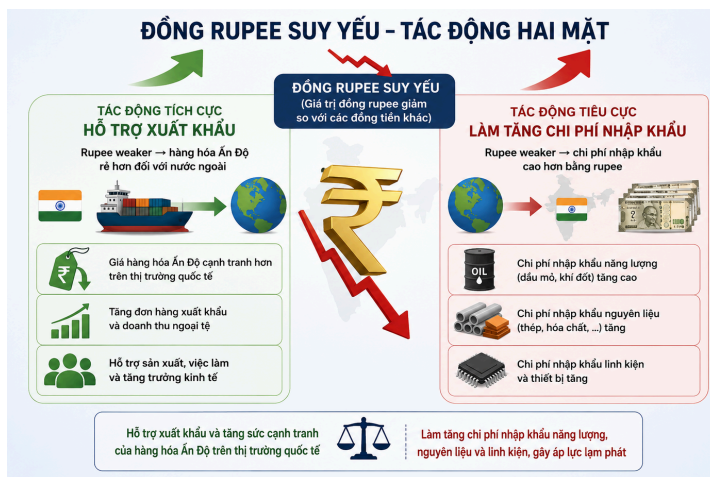
6. KHU VỰC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Doanh nghiệp vừa và nhỏ (MSME) tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế Ấn Độ, đóng góp khoảng 35,4% sản lượng chế tạo, 48,58% kim ngạch xuất khẩu và 31,1% GDP. Khu vực này bao gồm hơn 74,7 triệu doanh nghiệp và tạo việc làm cho khoảng 328,2 triệu lao động.

Tuy nhiên, MSME cũng là nhóm dễ bị tổn thương trước áp lực lạm phát, tỷ giá và chi phí nhập khẩu gia tăng. Do đó, các chính sách hỗ trợ tín dụng, chuyển đổi số, logistics và giảm chi phí tuân thủ sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sức cạnh tranh, việc làm và năng lực xuất khẩu của khu vực này.

7. TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI VÀ ÁP LỰC BÊN NGOÀI

Tỷ giá là một trong những rủi ro vĩ mô đáng chú ý trong nửa đầu năm 2026. Đồng rupee mất giá khoảng 4,9% kể từ khi xung đột Tây Á leo thang, xuống khoảng 95,7 rupee/USD vào ngày 26/5/2026, chủ yếu do hóa đơn nhập khẩu dầu tăng và dòng vốn nước ngoài rút ra.



Đồng rupee suy yếu có tác động hai mặt: hỗ trợ xuất khẩu nhưng làm tăng chi phí nhập khẩu năng lượng, nguyên liệu và linh kiện. Trong bối cảnh Ấn Độ phụ thuộc đáng kể vào nhập khẩu dầu, biến động tỷ giá có thể làm gia tăng áp lực lạm phát và thu hẹp dư địa điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ (RBI). Vì vậy, tỷ giá tiếp tục là kênh truyền dẫn quan trọng giữa các cú sốc bên ngoài và ổn định kinh tế vĩ mô trong nước.

Trong nửa đầu năm 2026, kinh tế Ấn Độ duy trì tăng trưởng mạnh với GDP năm tài khóa 2025–2026 ước tăng 7,6%, được hỗ trợ bởi cầu nội địa, khu vực dịch vụ và sản xuất công nghiệp. Các chỉ số PMI dịch vụ (59,8 điểm), sản xuất công nghiệp (+4,9%) và thu GST cao cho thấy nền tảng tăng trưởng vẫn vững chắc.

Tuy nhiên, giá năng lượng tăng, đồng rupee mất giá và áp lực lạm phát tiếp tục là những rủi ro đáng chú ý đối với ổn định kinh tế vĩ mô. Nhìn chung, Ấn Độ vẫn duy trì khả năng chống chịu tốt và nhiều khả năng tiếp tục nằm trong nhóm các nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất thế giới năm 2026.

II. THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ

1. TÌNH HÌNH THƯƠNG MẠI CỦA ẤN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Trong 4 tháng đầu năm 2026, ngoại thương Ấn Độ duy trì đà tăng trưởng song vẫn đối mặt với thâm hụt thương mại hàng hóa lớn. Xuất khẩu đạt khoảng 158,7 tỷ USD, trong khi nhập khẩu lên tới 269,5 tỷ USD, khiến thâm hụt thương mại hàng hóa khoảng 110,8 tỷ USD. Giá trị xuất khẩu tăng từ 36,56 tỷ USD trong tháng 1 lên 43,56 tỷ USD trong tháng 4/2026, mức cao nhất từ đầu năm và tăng gần 14% so với cùng kỳ năm trước, nhờ sự phục hồi nhu cầu tại các thị trường chủ lực và tăng trưởng của các ngành điện tử, dược phẩm, sản phẩm dầu mỏ tinh chế và cơ khí kỹ thuật.

Ở chiều ngược lại, nhập khẩu vẫn ở mức cao do nhu cầu lớn đối với dầu thô, vàng, bạc, linh kiện điện tử và nguyên liệu sản xuất. Giá năng lượng thế giới tăng trong bối cảnh bất ổn địa chính trị tiếp tục gây áp lực lên cán cân thương mại, với mức thâm hụt hàng tháng dao động từ 20–35 tỷ USD. Tuy nhiên, thâm hụt hàng hóa được bù đắp một phần bởi xuất khẩu dịch vụ, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, BPO, tài chính và dịch vụ số. Điều này cho thấy mô hình tăng trưởng thương mại của Ấn Độ ngày càng dựa nhiều hơn vào công nghệ cao và dịch vụ hiện đại, phù hợp với các sáng kiến “*Make in India*” và “*Atmanirbhar Bharat*”.

Những điều chỉnh trong chính sách ngoại thương của Ấn Độ

Trong nửa đầu năm 2026, Ấn Độ tiếp tục theo đuổi chiến lược kết hợp giữa mở cửa thương mại và bảo hộ có chọn lọc. Chính phủ tăng cường kiểm soát nhập khẩu đối với một số mặt hàng chiến lược như bạc thỏi, bạc hạt và bạc bột; đồng thời siết chặt quy định đối với dược phẩm, nguyên liệu công nghiệp và kim loại quý nhằm giảm phụ thuộc bên ngoài và thúc đẩy sản xuất nội địa.

Về xuất khẩu, Tổng cục Ngoại thương (DGFT) điều chỉnh chương trình hoàn thuế RoDTEP, tập trung ưu đãi cho các ngành có năng lực cạnh tranh cao, đồng thời gia hạn thời hạn thực hiện nghĩa vụ xuất khẩu đối với một số giấy phép để hỗ trợ doanh nghiệp.

Chính phủ còn tiếp tục triển khai “Chương trình Xúc tiến Xuất khẩu Quốc gia” trị giá hơn 25.000 crore rupee (≈ 2,64 tỷ USD), ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (MSMEs) nâng cao năng lực xuất khẩu.



Song song với đó, Ấn Độ đẩy mạnh đàm phán các hiệp định thương mại với Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu và Vương quốc Anh, phản ánh xu hướng “hội nhập có kiểm soát”, trong đó mở cửa thị trường gắn với các mục tiêu an ninh kinh tế và phát triển công nghiệp quốc gia.

2. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) CỦA ẤN ĐỘ TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Dòng vốn FDI tiếp tục tăng

Theo Bộ Xúc tiến Công nghiệp và Thương mại Nội địa (DPIIT), dòng vốn FDI góp vốn cổ phần trong năm tài khóa 2025–2026 đạt 58,84 tỷ USD, tăng 18% so với năm trước. Riêng 9 tháng đầu tài khóa (tháng 4–12/2025), FDI đạt 47,87 tỷ USD, cho thấy quý IV (tháng 1–3/2026) thu hút khoảng 10,9 tỷ USD, tương đương 18,5% tổng vốn FDI cả năm.



Điều chỉnh chính sách thu hút FDI

Chính phủ Ấn Độ tiếp tục cải cách môi trường đầu tư theo hướng minh bạch và thuận lợi hơn. Đáng chú ý, tháng 3/2026, Nội các đã sửa đổi cơ chế thực hiện Press Note 3 (2020), quy định thời hạn xử lý hồ sơ đầu tư tối đa 60 ngày, đồng thời làm rõ tiêu chí xác định “chủ sở hữu hưởng lợi” và nới lỏng đối với một số khoản đầu tư gián tiếp từ Trung Quốc và Hồng Kông. Biện pháp này nhằm giảm tình trạng chậm trễ trong phê duyệt các dự án công nghệ và sản xuất.

Bên cạnh đó, từ tháng 5/2026, DPIIT triển khai cơ chế xử lý hồ sơ FDI hoàn toàn trực tuyến, không giấy tờ, với thời gian giải quyết tối đa 12 tuần, góp phần nâng cao tính minh bạch và khả năng dự báo cho nhà đầu tư.

Một bước đột phá quan trọng là việc chính thức cho phép nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn trong lĩnh vực bảo hiểm, nâng trần sở hữu từ mức 74% trước đây. Chính sách mới được kỳ vọng thu hút nguồn vốn dài hạn, nâng cao chất lượng quản trị và thúc đẩy đổi mới công nghệ trong ngành dịch vụ tài chính.

Bên cạnh cải cách thể chế, Chính phủ tiếp tục định hướng FDI vào các lĩnh vực chiến lược như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), trung tâm dữ liệu, điện tử, xe điện, pin năng lượng và năng lượng tái tạo. Tháng 6/2026, Nội các đã thông qua việc sửa đổi chính sách phát triển ngành bán dẫn theo hướng tăng ưu đãi và đơn giản hóa thủ tục đầu tư. Các điều chỉnh này nằm trong khuôn khổ *Make in India*, *Digital India* và *India Semiconductor Mission*, nhằm đưa Ấn Độ trở thành trung tâm sản xuất công nghệ cao mới trong bối cảnh tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu.

Trong nửa đầu năm 2026, Ấn Độ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng thương mại và thu hút đầu tư nước ngoài. Dù thâm hụt thương mại hàng hóa còn lớn, xuất khẩu và FDI vẫn tăng trưởng tích cực, phản ánh sức cạnh tranh và sức hấp dẫn của nền kinh tế.

Các chính sách mới cho thấy Ấn Độ theo đuổi chiến lược kết hợp giữa hội nhập quốc tế và tự cường kinh tế, ưu tiên các ngành công nghệ cao như bán dẫn, AI, điện tử và năng lượng tái tạo. Nhờ đó, nước này tiếp tục củng cố vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu và tạo nền tảng cho tăng trưởng dài hạn.

III. ĐỐI NỘI

1. BAN HÀNH NGÂN SÁCH ẤN ĐỘ (INDIA BUDGET) 2026 – 2027

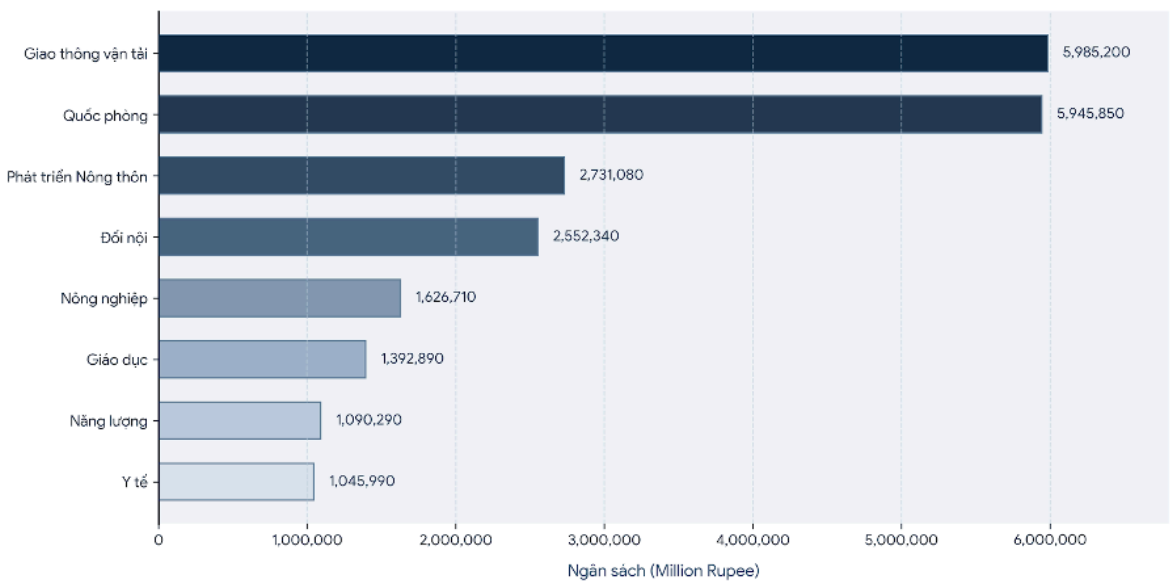
Tháng 2/2026, Chính phủ Ấn Độ công bố Ngân sách 2026–2027, tiếp tục theo đuổi mục tiêu xây dựng “*Viksit Bharat*” (Ấn Độ phát triển), kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội.

Ba ưu tiên chính gồm: duy trì tăng trưởng khoảng 7%, nâng cao năng lực người dân và thúc đẩy phát triển bao trùm theo triết lý “*Sabka Sath, Sabka Vikas*”.

Về phân bổ ngân sách, hạ tầng và quốc phòng tiếp tục là các lĩnh vực ưu tiên hàng đầu, phản ánh chiến lược đẩy mạnh đầu tư công và tự cường quốc gia. Bên cạnh đó, ngân sách dành cho phát triển nông thôn cao gấp 1,7 lần so với nông nghiệp, cho thấy trọng tâm cải thiện toàn diện khu vực nông thôn.

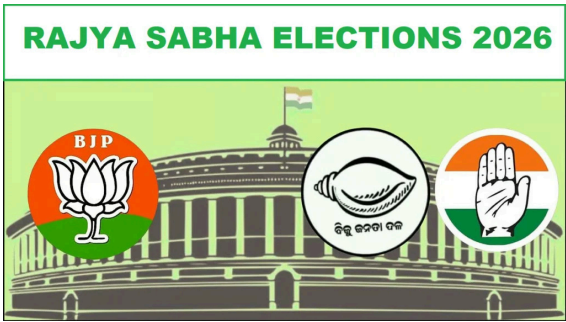
Ngân sách dành cho Bộ Nội vụ là 2.552,34 tỉ rupee, tương đương 5% tổng chi tiêu liên bang và tăng 9,4% so với năm trước.

Xếp hạng phân bổ Ngân sách Ấn Độ 2026 - 2027

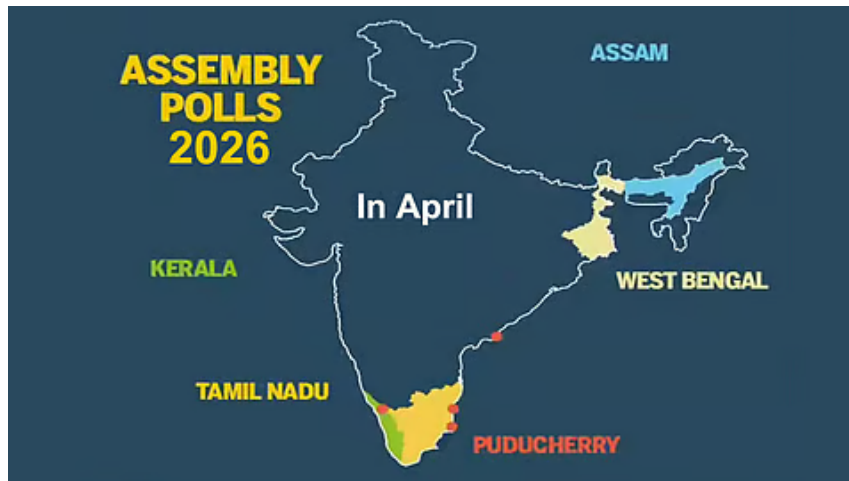


2. TÌNH HÌNH BẦU CỬ CẤP BANG

Năm 2026, Thượng viện (Rajya Sabha) sẽ tiến hành hai hình thức bầu cử bao gồm bầu cử 2 năm/lần và bầu cử bổ sung. Đảng BJP thúc đẩy chính sách “thanh lọc” danh sách cử tri, khiến yếu tố bản sắc dân tộc – tôn giáo ngày càng nổi bật trong đời sống chính trị Ấn Độ.



Kết quả bầu cử tại Assam, Kerala, Tamil Nadu và West Bengal cho thấy hai xu hướng chính. Thứ nhất, BJP tiếp tục củng cố quyền lực tại Assam và Kerala. Thứ hai, hệ thống đảng phái cấp bang có sự tái cấu trúc đáng kể. Tại West Bengal, BJP đánh bại Đảng TMC sau ba nhiệm kỳ cầm quyền, đồng thời đánh dấu lần đầu tiên trong lịch sử Ấn Độ không còn bang nào do các đảng cánh tả điều hành. Tại Tamil Nadu, Đảng TVK mới thành lập của diễn viên Vijay đã phá vỡ thế lưỡng cực giữa DMK và AIADMK tồn tại nhiều thập kỷ.



Trong tháng 6/2026, Ấn Độ tiếp tục tổ chức bầu cử 27 ghế Thượng viện (Rajya Sabha) và Hội đồng Lập pháp tại nhiều bang. Kết quả các cuộc bầu cử này sẽ tiếp tục tác động đến tương quan lực lượng chính trị và định hình bộ máy lãnh đạo địa phương trong nhiệm kỳ 5 năm tới.

3. TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ

Từ ngày 01/04/2026, Ấn Độ chính thức triển khai Tổng điều tra dân số 2026–2027, cuộc điều tra dân số lớn nhất thế giới và là lần đầu tiên được số hóa hoàn toàn. Bộ Nội vụ (MHA) và Tổng cục Đăng ký và Điều tra dân số (ORGI) đưa vào vận hành 4 nền tảng công nghệ gồm ứng dụng di động, cổng thông tin điện tử, ứng dụng bản đồ số và hệ thống quản lý điều tra dân số, đồng thời cho phép người dân tự khai báo trực tuyến. Để mở màn chiến dịch, Tổng thống Droupadi Murmu là người đầu tiên thực hiện tự khai báo trực tuyến vào ngày 01/04/2026.



Ấn Độ tập trung vào hạ tầng, quốc phòng và phát triển nông thôn. Đảng BJP mở rộng ảnh hưởng chính trị tại nhiều bang, trong khi hệ thống đảng phái địa phương có những thay đổi đáng kể. Việc triển khai Tổng điều tra dân số số hóa đầu tiên trong lịch sử cũng cho thấy nỗ lực hiện đại hóa quản trị nhà nước. Có thể thấy rằng Ấn Độ đang tăng cường cả năng lực quản trị, ổn định chính trị và chuẩn bị cho các mục tiêu phát triển dài hạn.

IV. ĐỐI NGOẠI

Chính sách đối ngoại của Ấn Độ tiếp tục thể hiện rõ tư duy đa liên kết chủ động. New Delhi vừa tăng cường hợp tác với phương Tây, vừa duy trì quan hệ chiến lược với Nga, BRICS và các nước Nam Bán cầu, đồng thời quản lý cạnh tranh với Trung Quốc. Cách tiếp cận này cho thấy Ấn Độ không chọn phe tuyệt đối, mà tìm cách tối đa hóa lợi ích từ nhiều trung tâm quyền lực trong bối cảnh trật tự quốc tế phân cực sâu sắc.

Với Mỹ, Ấn Độ thể hiện tính thực dụng chiến lược khi ưu tiên an ninh năng lượng, ổn định kinh tế và lợi ích thương mại. Hai bên nhất trí thúc đẩy thỏa thuận thương mại song phương vào mùa thu 2026, đặt mục tiêu nâng kim ngạch thương mại lên 500 tỷ USD vào năm 2030, đồng thời mở rộng hợp tác quốc phòng và công nghệ mới nổi. Tuy nhiên, việc Ấn Độ chỉ điều chỉnh nhập khẩu dầu Nga theo áp lực của Mỹ cho thấy New Delhi vẫn giữ thế mặc cả, không chấp nhận phụ thuộc hoàn toàn vào Washington.



Với Nga, Ấn Độ tiếp tục duy trì quan hệ đối tác chiến lược tin cậy, đặc biệt trong năng lượng và quốc phòng. Từ tháng 3/2026, nhập khẩu dầu thô Nga của Ấn Độ đạt trung bình 1,98 triệu thùng/ngày, mức cao nhất kể từ tháng 6/2023. Hai bên thực thi Hiệp định Trao đổi Hậu cần tương hỗ (RELOS) tháng 4/2026 và tiếp tục đối thoại cấp cao cho thấy Nga vẫn là một trụ cột trong chiến lược tự chủ của Ấn Độ.



Với EU, Ấn Độ nâng cấp quan hệ qua Hội nghị Thượng đỉnh EU-Ấn Độ lần thứ 16 tại New Delhi ngày 27/1/2026. Việc thúc đẩy FTA, đàm phán Đối tác An ninh và Quốc phòng, mở rộng hợp tác chuyển đổi xanh, công nghệ và giao lưu nhân dân cho thấy EU ngày càng trở thành một trụ cột trong chiến lược đa dạng hóa quan hệ của New Delhi.



Trong khuôn khổ BRICS, Ấn Độ sử dụng vai trò Chủ tịch năm 2026 để thúc đẩy chủ đề “*Xây dựng vì Khả năng chống chịu, Đổi mới, Hợp tác và Phát triển bền vững*”. Điều này phản ánh tham vọng của New Delhi trong việc định hình tiếng nói của Nam Bán cầu, thúc đẩy cải cách quản trị toàn cầu và mở rộng ảnh hưởng trong các thể chế đa phương. Tuy nhiên, khác biệt lợi ích giữa các thành viên cho thấy BRICS vẫn là diễn đàn chiến lược linh hoạt hơn là một liên minh thống nhất.

Với Nam Á và ASEAN, Ấn Độ tiếp tục kết hợp giữa an ninh cứng, ngoại giao phát triển và quyền lực mềm. New Delhi thúc đẩy hợp tác biên giới với Bangladesh, mở rộng giao lưu văn hóa với Sri Lanka, tăng cường hợp tác kinh tế - công nghệ với Nepal, phát triển du lịch tôn giáo với Bhutan, đồng thời tuyên bố năm 2026 là “Năm hợp tác hàng hải Ấn Độ - ASEAN”. Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ nổi bật với chuyến thăm của Tổng Bí thư Tô Lâm tháng 5/2026 và việc nâng cấp lên Đối tác Chiến lược Toàn diện Tăng cường, mở rộng hợp tác trong công nghệ số, chuỗi cung ứng, đất hiếm, chuyển đổi xanh và công nghiệp quốc phòng.



Với Trung Quốc, Ấn Độ tiếp tục coi Bắc Kinh là “đối thủ thiết yếu”: vừa cạnh tranh, vừa phải quản lý quan hệ. Việc nới lỏng một phần hạn chế đầu tư theo Thông cáo Báo chí số 3 vào tháng 3/2026 cho thấy New Delhi sẵn sàng điều chỉnh thực dụng, nhưng mức độ tin cậy chiến lược giữa hai nước vẫn thấp và các bất đồng nền tảng chưa được giải quyết.

Với Ả Rập và Trung Đông, Ấn Độ duy trì cách tiếp cận cân bằng nhưng ngày càng thực dụng hơn. New Delhi vẫn coi Iran là đối tác quan trọng về kết nối khu vực, tiếp tục ủng hộ giải pháp hai nhà nước đối với Palestine, đồng thời nâng cấp quan hệ với Israel lên “Đối tác Chiến lược Đặc biệt” vào tháng 2/2026. Điều này phản ánh xu hướng Ấn Độ ngày càng gần Israel và phương Tây trong các vấn đề an ninh, nhưng chưa từ bỏ hoàn toàn lập trường ngoại giao truyền thống với Palestine.



Ấn Độ tiếp tục theo đuổi chính sách đa liên kết và tự chủ chiến lược, tận dụng quan hệ với các cường quốc và đối tác khu vực để thúc đẩy an ninh, kinh tế và nâng cao vị thế quốc tế.



V. QUỐC PHÒNG - AN NINH

1. CẠNH TRANH VỚI TRUNG QUỐC VÀ HIỆN ĐẠI HÓA QUỐC PHÒNG

Trong nửa đầu năm 2026, cạnh tranh chiến lược với Trung Quốc tiếp tục là động lực chính thúc đẩy hiện đại hóa quân đội Ấn Độ. Sau khủng hoảng Ladakh năm 2020, New Delhi ngày càng xem Bắc Kinh là thách thức dài hạn về quân sự, công nghệ và địa chính trị. Tháng 3/2026, Chính phủ Ấn Độ phê duyệt các chương trình mua sắm quốc phòng trị giá khoảng 25 tỷ USD, tập trung vào máy bay chiến đấu, hệ thống S-400, năng lực giám sát và các vũ khí công nghệ cao. Thay vì chạy đua số lượng, Ấn Độ ưu tiên các lĩnh vực như AI, tác chiến điện tử, không gian vũ trụ, UAV và phòng không nhằm nâng cao năng lực răn đe.



2. TỰ CHỦ QUỐC PHÒNG VÀ CHUYỂN ĐỔI CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ

Ngân sách quốc phòng năm tài khóa 2026–2027 đạt 7,85 lakh crore rupee (83,01 tỷ USD), cao hơn gấp ba lần so với năm 2013–2014. Chi tiêu hiện đại hóa quân đội tăng lên khoảng 2,19 lakh crore rupee (23,22 tỷ USD), trong khi ngân sách nghiên cứu và phát triển quốc phòng đạt 29.100 crore rupee (3,07 tỷ USD), tăng hơn 112% so với năm 2014–2015.

Cùng với đó, sáng kiến Atmanirbhar Bharat thúc đẩy mạnh mẽ tự chủ quốc phòng. Giá trị sản xuất quốc phòng nội địa năm 2025–2026 đạt 1,78 lakh crore rupee (18,8 tỷ USD), tăng hơn 110% so với năm 2020–2021. Xuất khẩu quốc phòng đạt 38.424 crore rupee (4,08 tỷ USD), với sản phẩm được xuất khẩu tới hơn 80 quốc gia. Những kết quả này cho thấy tự chủ quốc phòng đã trở thành một bộ phận quan trọng của chiến lược tự chủ chiến lược của Ấn Độ.



3. NĂNG LỰC RĂN ĐE VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ MỚI



Ấn Độ tiếp tục mở rộng năng lực răn đe hạt nhân với khoảng 190 đầu đạn hạt nhân và hoàn thiện bộ ba hạt nhân. Việc đưa tàu ngầm hạt nhân INS Arighat cùng tên lửa K-4 tầm bắn khoảng 3.500 km vào hoạt động đã tăng cường đáng kể khả năng răn đe trên biển.

Nhiều hệ thống vũ khí thế hệ mới được phát triển như BrahMos-II, Agni-P, Pralay, Astra Mk2/Mk3, cùng các dự án máy bay tàng hình AMCA, UAV Ghatak, vũ khí laser DURGA và hệ thống vi sóng công suất cao KALI. Các chương trình này phản ánh mục tiêu xây dựng lực lượng tác chiến đa miền và quân đội công nghệ cao.

4. AN NINH HÀNG HẢI VÀ NGOẠI GIAO QUỐC PHÒNG

Khoảng 90% thương mại của Ấn Độ được vận chuyển bằng đường biển, khiến an ninh hàng hải ngày càng giữ vai trò trung tâm trong chiến lược quốc gia. Trước sự hiện diện ngày càng lớn của hải quân Trung Quốc tại Ấn Độ Dương, New Delhi đẩy mạnh các sáng kiến SAGAR và MAHASAGAR, đồng thời tăng cường năng lực giám sát và hiện diện trên biển.

Ấn Độ còn mở rộng ngoại giao quốc phòng với Mỹ, Nga, Pháp, Nhật Bản, Australia và EU. Quan hệ với Mỹ tiếp tục phát triển thông qua các cơ chế như LEMOA, COMCASA, BECA và khuôn khổ TRUST, trong khi hợp tác với Nga vẫn được duy trì thông qua các chương trình S-400 và Su-30MKI. Điều này cho thấy New Delhi tiếp tục theo đuổi chính sách cân bằng giữa các cường quốc và tăng cường vai trò trong các cơ chế đa phương như QUAD, SCO và ADMM-Plus.

Ấn Độ đẩy mạnh hiện đại hóa quân đội, tăng cường tự chủ quốc phòng và phát triển công nghệ quân sự tiên tiến nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh chiến lược với Trung Quốc và củng cố vai trò an ninh tại khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương.

KẾT LUẬN

Về kinh tế, nửa đầu năm 2026 cho thấy nền kinh tế Ấn Độ tiếp tục duy trì khả năng chống chịu tương đối tốt trước những biến động của môi trường quốc tế. Tăng trưởng GDP đạt 7,6%, khu vực dịch vụ và sản xuất duy trì đà mở rộng, trong khi tiêu dùng nội địa tiếp tục là động lực tăng trưởng quan trọng. Tuy nhiên, những thách thức từ giá năng lượng tăng, đồng rupee mất giá, áp lực lạm phát chi phí và sự phụ thuộc vào nhập khẩu năng lượng cho thấy tăng trưởng của Ấn Độ vẫn chịu ảnh hưởng đáng kể từ các cú sốc bên ngoài. Nhìn tổng thể, nền kinh tế đang chuyển dịch theo hướng dựa nhiều hơn vào công nghệ, dịch vụ hiện đại và đầu tư hạ tầng nhằm củng cố nền tảng tăng trưởng dài hạn.

Về đối nội, Chính phủ của Thủ tướng Narendra Modi tiếp tục củng cố năng lực quản trị quốc gia thông qua Ngân sách 2026–2027, đẩy mạnh đầu tư hạ tầng, phát triển nông thôn và chuyển đổi số. Trên phương diện chính trị, chuỗi thắng lợi của BJP tại nhiều bang, đặc biệt ở những khu vực từng là căn cứ của phe đối lập, phản ánh xu hướng mở rộng ảnh hưởng của đảng cầm quyền trên phạm vi toàn quốc. Song song với đó, việc triển khai Tổng điều tra dân số số hóa đầu tiên trong lịch sử cho thấy nỗ lực hiện đại hóa bộ máy nhà nước và xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản trị và hoạch định chính sách trong dài hạn.

Về đối ngoại, Ấn Độ tiếp tục theo đuổi chiến lược đa liên kết và tự chủ chiến lược, đồng thời tận dụng cạnh tranh giữa các trung tâm quyền lực để tối đa hóa lợi ích quốc gia. New Delhi vừa tăng cường hợp tác với Mỹ, EU và các đối tác phương Tây, vừa duy trì quan hệ chiến lược với Nga, BRICS và các nước Nam Bán cầu. Cách tiếp cận thực dụng này giúp Ấn Độ mở rộng không gian chiến lược, bảo đảm an ninh năng lượng, thu hút đầu tư và nâng cao vị thế quốc tế. Tuy nhiên, việc duy trì cân bằng giữa các đối tác có lợi ích khác biệt sẽ tiếp tục là thách thức lớn đối với chính sách đối ngoại của nước này trong thời gian tới.

Về quốc phòng – an ninh, cạnh tranh chiến lược với Trung Quốc trở thành động lực chính thúc đẩy hiện đại hóa quân đội, phát triển công nghệ quốc phòng, tăng cường tự chủ sản xuất vũ khí và mở rộng hiện diện hàng hải. Đồng thời, Ấn Độ cũng từng bước nâng cao năng lực răn đe hạt nhân, an ninh mạng và các lĩnh vực công nghệ quân sự mới nhằm thích ứng với môi trường an ninh ngày càng phức tạp. Điều này phản ánh tham vọng của Ấn Độ trong việc trở thành một cường quốc an ninh có ảnh hưởng tại khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương.

Tóm lại, các diễn biến trong nửa đầu năm 2026 cho thấy Ấn Độ đang đồng thời củng cố sức mạnh kinh tế, tăng cường năng lực quản trị, mở rộng ảnh hưởng đối ngoại và hiện đại hóa quốc phòng. Đây là những trụ cột quan trọng giúp New Delhi hiện thực hóa tầm nhìn Viksit Bharat 2047, đồng thời nâng cao vị thế như một trung tâm quyền lực đang lên trong bối cảnh trật tự quốc tế chuyển dịch theo hướng đa cực.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG:

TS. Phan Cao Nhật Anh
TS. Phạm Cao Cường
TS. Huỳnh Thanh Loan
TS. Đồng Thị Thùy Linh
TS. Quách Thị Huệ
ThS. Triệu Hồng Quang
ThS.NCS. Nguyễn Thị Hiền
ThS.NCS. Trần Ngọc Diễm

THIẾT KẾ:

Triệu Hồng Quang



Email: vcasi.vass@gmail.com

Địa chỉ: Tầng 13, Tòa nhà VASS số 176 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội